

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 31/7/2019

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Đang**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**.
2. Bà **Lê Ái Nguyên**.

*Thư ký phiên Tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B**. Địa chỉ: Tòa nhà T, số S, đường Đ, phường P, quận Q, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn:* Anh **Võ Ph.Ph** - Chuyên viên phòng khách hàng, thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Bạc Liêu. Địa chỉ: Số S, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn:* Anh **Bùi V.Ph** - sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngày 21/11/2017 anh Bùi V.Ph có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B hợp đồng tín dụng số: HD243821111704920 để anh Ph vay số tiền 200.000.000đ vào mục đích tiêu

dùng, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, thời hạn trả nợ vay kể từ ngày 21/11/2017 đến ngày 21/11/2022, số tiền nợ gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 3.340.000đ/kỳ, kỳ thứ 60 trả số tiền 2.940.000đ, số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 21/12/2017 và kỳ cuối cùng là ngày 21/11/2022. Khi vay, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay ( $LS_{cv}$ ): 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi  $LS_{cv}$  được tính theo công thức:  $LS_{cv} = LS_{\text{Tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ}} + 4.75\%/năm$ , + Sau khi vay vốn, anh Ph đã thường xuyên trả nợ trễ hạn, kể từ ngày 20/07/2018 anh Ph đã vi phạm Hợp đồng, không trả nợ đúng hạn để phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/5/2019 anh Ph còn nợ gốc là 169.940.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 15.105.963đ, nợ lãi quá hạn là 2.492.948đ và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: HD2438211117049200 ngày 21/11/2017 mà anh Ph đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu anh Bùi V.Ph thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

\* Bị đơn anh Ph trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2019 anh Ph thừa nhận có vay nợ như trình của Ngân hàng tại thông báo thụ lý vụ án số 108 ngày 26/4/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2019 của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày. Anh Ph đồng ý trả toàn bộ nợ gốc, nhưng xin Ngân hàng không tính lãi cho anh Ph.

**\* Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn nộp văn bản yêu cầu vắng mặt

- Anh Bùi V.Ph có đề nghị vắng mặt.

- Không có đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ mới.

**\* Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Bùi V.Ph trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền nợ gốc là 169.940.000đ, nợ lãi chưa thanh toán đến ngày 14/5/2019 là 15.105.963đ, nợ lãi quá hạn đến ngày 14/5/2019 là 2.492.948đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: HD243821111704920 ngày 21/11/2017 mà anh Bùi V.Ph đã ký kết với Ngân hàng.

**\* Các tình tiết của vụ án:**

- Ngày 21/11/2017 anh Bùi V.Ph đã ký Hợp đồng tín dụng số: HD243821111704920 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền

200.000.000đ. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 21/11/2017 đến ngày 21/11/2022; Lãi suất cho vay ( $LS_{cv}$ ): 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi  $LS_{cv}$  được tính theo công thức:  $LS_{cv} = LS_{\text{Tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ}} + 4.75\%/năm$ ; Kỳ hạn trả nợ gốc và tiền lãi trả cố định vào ngày 10 hàng tháng, số tiền nợ gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 3.340.000đ/kỳ, kỳ thứ 60 trả số tiền 2.940.000đ; Số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm; Kỳ hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 21/12/2017 đến ngày 21/11/2022.

- Anh Bùi V.Ph đã thường xuyên trả nợ trễ hạn, kể từ ngày 20/07/2018 anh Bùi V.Ph đã vi phạm hợp đồng vay là không trả nợ đúng hạn dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/5/2019 anh Ph còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 169.940.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 15.105.963đ, nợ lãi quá hạn là 2.492.948đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: HD24382111704920 ngày 21/11/2017 mà anh Bùi V.Ph đã ký kết với Ngân hàng.

- Anh Ph thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ gốc, đề nghị Ngân hàng không tính nợ lãi cho anh Ph.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu anh Ph trả nợ vay, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Các đương sự có yêu cầu vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Vào ngày 21/11/2017 anh Bùi V.Ph có ký hợp đồng tín dụng số: HD24382111704920 vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000đ, lãi suất cho vay ( $LS_{cv}$ ): 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi  $LS_{cv}$  được tính theo công thức:  $LS_{cv} = LS_{\text{Tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ}} + 4.75\%/năm$ . Theo thỏa thuận thì kỳ hạn trả nợ là 60 kỳ, từ kỳ 01 đến kỳ 59 tiền nợ gốc phải trả là 3.340.000đ/kỳ, kỳ thứ 60 trả số tiền nợ gốc còn lại là 2.940.000đ/kỳ; Số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 21/12/2017 và kỳ trả nợ cuối là ngày 21/11/2022. Do vào ngày 20/7/2018 anh Ph vi phạm kỳ hạn trả nợ với Ngân hàng, nên toàn bộ nợ còn lại chuyển sang nợ quá hạn. Theo xác định của Ngân hàng thì đến ngày 14/5/2019 anh Ph nợ gốc là 169.940.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 15.105.963đ, nợ lãi quá hạn là 2.492.948đ; Anh Ph thừa nhận nợ như Ngân hàng trình bày. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[4] Về tiền lãi: Anh Ph đề nghị Ngân hàng không tính nợ lãi cho anh Ph. Hội đồng xét thấy yêu cầu bớt lãi suất của anh Ph không được Ngân hàng chấp

nhận, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bớt lãi suất của anh Ph.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, buộc anh Bùi V.Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 169.940.000đ, nợ lãi chưa thanh toán đến ngày 14/5/2019 là 15.105.963đ, nợ lãi quá hạn đến ngày 14/5/2019 là 2.492.948đ và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: HD2438211117049200 ngày 21/11/2017 mà anh Ph đã ký kết với Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự không có giá ngạch trong vụ án:

- Do Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu, nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 4.600.000đ.

- Buộc anh Bùi V.Ph phải chịu án đối với nghĩa vụ trả nợ là  $187.538.911 \times 5\% = 9.377.000\text{đ}$ .

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 91, 92 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, buộc anh Bùi V.Ph trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 169.940.000đ, nợ lãi chưa thanh toán đến ngày 14/5/2019 là 15.105.963đ, nợ lãi quá hạn đến ngày 14/5/2019 là 2.492.948đ và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: HD2438211117049200 ngày 21/11/2017 mà anh Ph đã ký kết với Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự không có giá ngạch trong vụ án:

- Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.600.000đ mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014032 ngày 26/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Buộc anh Bùi V.Ph phải chịu án phí là 9.377.000đ.

*“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Đang**